

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 11 tháng 11 năm 2019  
(V/v: TrA chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thiện

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Khuyến -Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về TrA chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** A **Nghiêm Bá A** - sinh năm 1983; Nguyên quán và nơi ĐKHKTT: thôn MH, xã HS, huyện UH, thành phố Hà Nội.

**\*Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị T** -sinh năm 1989; Nguyên quán và nơi ĐKHKTT: thôn YT, xã TT, huyện UH, Thành phố Hà Nội.

*(A Nghiêm Bá A có đơn xin vắng mặt; chị T vắng mặt không có lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, A Nghiêm Bá A là nguyên đơn trình bày:* A và chị Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HS năm 2017. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do trước khi đi đến hôn nhân hai A chị không có thời gian dài tìm hiểu về nhau, A chị quen nhau là do giới thiệu được thời gian rất ngắn thì kết hôn. Khi về chung sống với nhau nhận thấy tính cách hai vợ chồng quá khác nhau, lối sống của hai

vợ chồng cũng khác nhau, dẫn đến hai vợ chồng không thể ngồi nói chuyện được với nhau, hơn nữa cho đến hiện nay vợ chồng A cũng chưa có con chung nên mâu thuẫn vợ chồng lại càng căng thẳng, trầm trọng hơn. Hai A chị sống ly thân khoảng hơn 01 năm, nay không quan tâm đến nhau. A nhận thấy không có tình cảm gì với chị T, nên xin được ly hôn với chị T.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: A chị không có, A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

A Nghiêm Bá A có quan điểm đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì A không bao giờ thay đổi nguyên vọng xin ly hôn với chị T.

*Tại biên bản xác minh ngày 30/8/2019: Chính quyền địa phương xã HS và xã TT cung cấp:* chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 là người ở thôn YT, xã TT, huyện UH có đăng ký kết hôn với A Nghiêm Bá A, sinh năm 1983 và ngày 31/10/2017 tại UBND xã HS. Sau khi kết hôn chị T chuyển về chung sống với A A cùng bố mẹ A A ở tại thôn MH, xã HS, huyện UH, thành phố Hà Nội nhưng chị T không chuyển hộ khẩu về nhà A A. Về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị T A A cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được, chỉ biết sau khi chị T mang thai nhưng khi sinh con không may cháu bé bị mất, nên chị T chuyển về nhà mẹ đẻ ở và ở lại nhà mẹ đẻ luôn, không về chung sống với A A nữa đã được khoảng 01 năm nay. Chị T hiện đang thường xuyên sinh sống cùng mẹ đẻ tại nhà mẹ đẻ ở thôn YT, xã TT, huyện UH. Chị T và A A không có con chung cho tới thời điểm hiện tại. Nay A A có đơn xin ly hôn chị T, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật bảo đảm quyền lợi cho các công dân.

Tại phiên tòa, A A và chị T đều vắng mặt, A A có đơn trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các thủ tục theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho A A được ly hôn với chị T; A A phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ọc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ong sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: A Nghiêm Bá A làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án trA chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UHTiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập chị T đến Tòa để hòa giải và tham gia phiên toà nhưng chị T không hợp tác, không chấp hành, A A có đơn xin vắng mặt tại phiên toà. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: A Nghiêm Bá A và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HS ngày 31/10/2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình hai vợ chồng khác nhau, thường xuyên cãi ra bất đồng quan điểm trên mọi lĩnh vực trong cuộc sống, trước khi kết hôn hai A chị chưa tìm hiểu kỹ về nhau, mặt khác A A và chị T chung sống với nhau đã lâu mà vẫn chưa có con chung. Hai vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân, A A cương quyết xin được ly hôn với chị T. Đối với chị T trong suốt quá trình triệu tập đến Tòa và thông báo hòa giải, làm việc và phiên tòa chị T đều không đến Tòa, vắng mặt không có lý do chính đáng, thể hiện chống đối.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T với A A là căng thẳng, đã sống ly thân hơn 01 năm, hôn nhân giữa hai vợ chồng thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của A A, xử cho A A được ly hôn với chị T là phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: A A và chị T chưa có con chung.

[4] Về tài sản và công nợ chung: A Nghiêm Bá A không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết. Trường hợp sau này chị T có yêu cầu, đề nghị Toà án giải quyết về việc liên quan đến tài sản, công nợ chung của hai vợ chồng thì dành quyền khởi kiện cho chị T trong vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: A Nghiêm Bá A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: A Nghiêm Bá A được ly hôn chị Nguyễn Thị T.
2. Về con chung: A Nghiêm Bá A và chị Nguyễn Thị T chưa có con chung.
3. Về tài sản, công nợ chung: A Nghiêm Bá A không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí: A Nghiêm Bá A phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009273 ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi thường trú./.

**Nơi nhân:**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS UH;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đ-ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Văn Thiện**

